

Bản tin chứng khoán

Trong số này

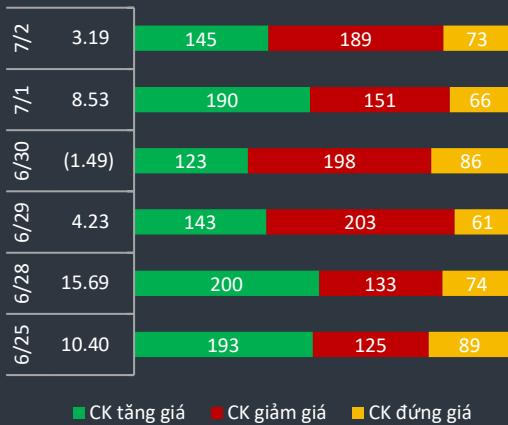
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VPB(223.51)	▬
CTQ(173.41)	▬
VIC (44.53)	▬
MSB (26.77)	▬
DPM (25.17)	▬
KDC (14.77)	▬
KBC (12.52)	▬
BVH (9.27)	▬
MBB	▬ 38.17
VHM	▬ 42.85
VCI	▬ 46.85
GAS	▬ 59.05
HPG	▬ 70.10
MSN	▬ 83.88
STB	▬ 104.57
NVL	▬ 1,853.52

Thị trường phiên cuối tuần hơi thiếu lực khi nhiều nhóm cổ phiếu suy yếu và điều chỉnh. Nhóm VN30 tăng tốt nhất lại đến từ hai cổ phiếu bán lẻ và công nghệ là MWG và FPT nhờ tin chia cổ tức và hệ thống giao dịch mới do FPT triển khai chuẩn bị đưa vào giao dịch. 5 cổ phiếu ngân hàng thuộc VN30 VPB, HDB, TCB, STB, TPB tăng trung bình 1.5%. Dù chỉ số index xanh nhẹ trong ngày nhưng độ rộng thị trường vẫn co lại với 189 mã giảm so với chỉ 145 mã tăng. Thanh khoản trong ngày có cải thiện với gần 23 ngàn tỷ trên sàn HOSE. Dòng tiền dồi dào hơn cho một tín hiệu rất tích cực trong tuần giao dịch mới đặc biệt là đúng thời điểm HOSE vận hành hệ thống giao dịch mới.

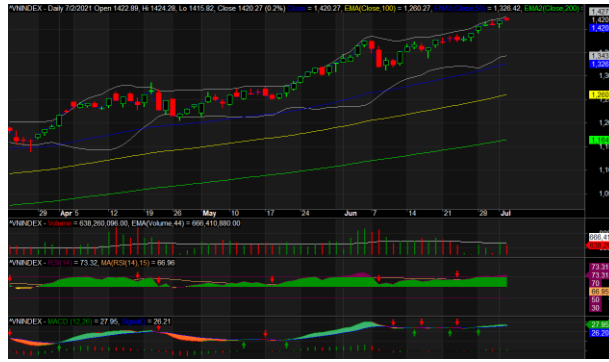
Thông tin hệ thống mới đưa vào giao dịch trong tuần đầu tháng 7 rõ ràng giúp nhà đầu tư hưng phấn hơn rất nhiều sau thời gian dài chịu đựng tình trạng nghẽn lệnh trên thị trường. Việc giao dịch thông suốt giúp gia tăng giá trị giao dịch trên sàn lên rất nhanh và điều này rõ ràng kích thích dòng tiền đầu tư mạnh mẽ hơn và nhà đầu tư cũng mạnh dạn gia tăng margin trên thị trường mà không còn phải e ngại như trước. Ngoài ra từ tháng 7 là mùa báo cáo hoạt động quý 2 vì vậy rất thu hút dòng tiền mới nhà đầu tư đón đầu kết quả kinh doanh các doanh nghiệp.

Trong quý 2 vừa qua giá trị giao dịch chung trên sàn HOSE đã đạt trung bình 20 ngàn tỷ, tăng đến 40% so với quý 1 và khả năng nếu hệ thống giao dịch mới thông suốt, giá trị giao dịch trung bình có thể tăng hơn 20% trong quý 3 này. Điều này có lợi đối với nhóm công ty chứng khoán và có thể dự báo trước lợi nhuận quý 2 của nhóm công ty chứng khoán sẽ tiếp tục khởi sắc trong quý 2 năm nay. Phiên cuối tuần qua thì nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng nằm trong nhóm ngành tăng tốt nhất như PSI, VND, VDS, FTS, CTS, MBS...

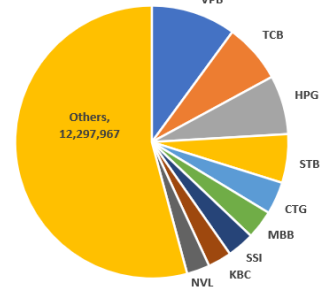
Khối ngoại trong phiên cuối tuần mua ròng hơn 1915 tỷ nhờ lượng mua ròng hơn 1,800 tỷ từ NVL. Tính chung cả tuần khối ngoại mua ròng đến hơn 5,100 tỷ trong đó mua ròng nhiều nhất là nhóm NVL, VHM, VCB, STB, MSN, VNM, GAS. Đây là tuần mua ròng đầu tiên sau nhiều tuần liên tiếp khối ngoại bán ròng.

Vnindex 1,420.27

▲ +3.19 (+0.23%)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
MWG	156.8	5,700	3.77
FPT	91.9	3,000	3.37
GAS	96.6	2,400	2.55
VPB	72.1	1,700	2.41
HDB	37.2	750	2.06
VIB	50.1	1,000	2.04
TCB	54.3	1,000	1.88
STB	31.5	500	1.61
TPB	37.8	550	1.48
SAB	169.2	1,500	0.89
SSI	57.9	400	0.70
VHM	118.0	800	0.68
CTG	52.7	300	0.57
ACB	36.1	150	0.42
MSN	113.9	400	0.35
BVH	59.1	100	0.17
PDR	95.9	-	-
MBB	43.5	-	-
VJC	120.6	(100)	(0.08)
PLX	55.4	(100)	(0.18)
VRE	31.7	(100)	(0.31)
BCM	54.0	(200)	(0.37)
BID	47.1	(250)	(0.53)
GVR	36.2	(200)	(0.55)
PNJ	99.5	(700)	(0.70)
HVN	27.4	(200)	(0.72)
POW	12.0	(100)	(0.83)
NVL	119.0	(1,000)	(0.83)
VNM	90.1	(800)	(0.88)
VIC	117.5	(1,100)	(0.93)
HPG	52.3	(500)	(0.95)
VCB	114.9	(1,500)	(1.29)
REE	56.7	(900)	(1.56)
DHG	94.1	(1,600)	(1.67)

Chỉ số Vnindex trong tuần qua tăng hơn 30 điểm, tiếp tục lập đỉnh cao mới vượt qua 1420. Thị trường trong tháng 7 thường giao dịch sôi động khi bước vào mùa báo cáo quý 2. Các nhóm ngành ngân hàng, chứng khoán, thép dự báo có lợi nhuận khả quan vì vậy nhà đầu tư ưu tiên nắm giữ nhóm ngành này. Dù thị trường đã vượt đỉnh nhưng vẫn còn hấp dẫn trong ngắn hạn. Có thể sẽ có sự phân hóa mạnh khi doanh nghiệp báo cáo lợi nhuận bán niên nhưng tính tổng quan thị trường vẫn duy trì tính tích cực. Nhà đầu tư tiếp tục duy trì nắm giữ cổ phiếu và tận dụng các nhịp điều chỉnh có thể tích lũy thêm. Những cổ phiếu ưu tiên nắm giữ: GVR, HPG, NKG, HSG, CTG, MBB, OCB, STB, VCI, HCM, SSI, CTS, VND.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
NKG	36.8	10.7	17	23	Mục tiêu 37. Chuẩn bị chốt lãi	3/3/2021	93.7%
VCI	58.2	9.4	50	65	Mua quanh 52-54. Mục tiêu 65	6/29/2021	11.9%
HCM	54.5	12.7	45	65	Mua quanh 52-54. Mục tiêu 65	6/29/2021	4.8%
VND	48.4	7.6	42	60	Mua quanh 43-45. Mục tiêu 60	6/29/2021	7.6%
SSI	57.9	7.8	50	70	Mua quanh 54-56. Mục tiêu 70	6/30/2021	5.3%
CTG	52.7	(2.0)	30	40	Nắm giữ. Mục tiêu 60	2/3/2021	51.0%
OCB	31.3		18	30	Mục tiêu 35. Mua thêm quanh 30	2/3/2021	49.0%
HPG	52.3	3.2	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 80	2/3/2021	24.5%
MWG	156.8	9.1	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	2/3/2021	23.0%
STB	31.5	6.8	15	22	Mục tiêu 34. Mua thêm quanh 30	2/3/2021	75.0%
D2D	53.6	(2.0)	52	65	Mua quanh 52. Mục tiêu 65	5/4/2021	3.1%
SZC	38.5	0.8	32	44	Mục tiêu 40. Chuẩn bị chốt lời	5/4/2021	14.9%
PET	23.1	7.9	20	25	Mua quanh 20, mục tiêu 27	5/4/2021	17.3%
PNJ	96.0	2.2	75	90	Chốt lãi	2/3/2021	15.8%
MBB	43.5	3.2	20	27	Chốt lãi	2/3/2021	79.0%
FPT	91.9	7.9	55	75	Chốt lãi	2/3/2021	31.3%
VPB	72.1	5.7	30	40	Chốt lãi	2/3/2021	103.1%
HSG	42.4	2.7	18	28	Chốt lãi	2/3/2021	77.4%
DGW	130.0	5.1	90	120	Chốt lãi	3/3/2021	30.0%

Chốt lời

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

CNG	3.94
PET	4.05
GSP	4.12
VND	4.31
HAH	4.36
CTS	4.44
BSI	4.45
JVC	4.48
CCI	4.65
GIL	4.87
DPR	5.37
TVS	5.73
FTS	5.84
VDS	6.74
TGG	6.80
ITD	6.82
VOS	6.95
VCI	6.99
VTO	7.00
VTO	7.00
ATG	14.29
LMH	14.77
HVG	14.81

Top tăng giá HNX

TVC	2.56
PHP	2.62
KKC	2.68
BVS	2.72
VC2	2.78
C69	2.86
HBS	3.16
MBS	3.48
TVD	3.92
SCL	4.03
PVE	4.35
BPC	5.00
NVB	6.70
NBC	6.94
IVS	8.82
BCC	9.26
GLT	9.46
PSI	9.71
PTI	9.80
WSS	9.89
THS	9.95
MAS	10.00
CTA	11.11
DNY	11.54
QNC	14.93
KSK	16.67
NHP	28.57
DPS	33.33

CNG - Công ty cổ phần CNG Việt Nam - Công bố sơ kết tình hình kinh doanh quý II/2021 với sản lượng khí CNG đạt 75,25 triệu Sm³, bằng 116% kế hoạch quý, doanh thu đạt 814,3 tỷ đồng, bằng 129% kế hoạch quý và lợi nhuận trước thuế đạt 29,55 tỷ đồng, bằng 182% kế hoạch quý II/2021.

YEG - CTCP Tập đoàn Yeah1 – HĐQT đã thông qua việc chuyển nhượng 51% cổ phần có quyền biểu quyết tại CTCP Công nghệ Thương mại Giga với giá trị không thấp hơn giá trị sổ sách tại báo cáo tài chính gần nhất.

DPG - CTCP Đạt Phương - Thông báo, ngày 15/7 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2020 và nhận cổ phiếu thưởng. Theo đó, cổ tức được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 29/7/2021, cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 40% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 40 cổ phiếu mới), tương đương DPG sẽ phát hành thêm gần 18 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

SJF - CTCP Đầu tư Sao Thái Dương – Đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021 với doanh thu dự kiến đem về 350 tỷ đồng (giảm 6%) và 5 tỷ đồng lãi sau thuế (năm trước lỗ 28 tỷ đồng).

DAH - CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á - Công bố kết quả thực hiện với doanh thu ước đạt 130 tỷ đồng (cùng kỳ chỉ đạt 1,9 tỷ đồng) và lợi nhuận ước đạt 12 tỷ đồng (cùng kỳ lãi 19 triệu đồng).

HDG - CTCP Tập đoàn Hà Đô - Tập đoàn này thông báo, góp vốn gần 1.200 tỷ đồng thành lập CTCP Năng lượng Hà Đô, tương ứng tỷ lệ sở hữu 99,97%/vốn Công ty mới.

VDS - CTCP Chứng khoán Rồng Việt - Ngày 08/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền trả cổ tức 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 09/7. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 20:1 (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới), tương ứng VDS sẽ phát hành thêm hơn 5 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

VPI - CTCP Đầu tư Văn Phú – Invest - Ngày 30/6, HĐQT đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu tại CTCP Thực phẩm Hà Nội.

MSN - CTCP Tập đoàn Masan - Thông báo, đã nâng sở hữu tại The CrownX (TCX) từ 80,2% lên 84,9% thông qua việc mua cổ phần của các cổ đông thiểu số của TCX.

L14 - CTCP Licogi 14 - Ngày 13/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 14/7. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 10 cổ phiếu mới).

CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG - HOSE) mới thông qua phương án trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt và cổ phiếu trong năm nay. Công ty sẽ trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10% (tương ứng 01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng). Với hơn 475,3 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Công ty sẽ phải chi xấp xỉ 475,3 tỷ đồng để trả cổ tức cho cổ đông.

Ngoài ra, Công ty sẽ phát hành thêm hơn 237,65 triệu cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức theo tỷ lệ 2:1 (cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu sẽ được nhận 1 cổ phiếu mới). Giá trị phát hành theo mệnh giá là 2.376,5 tỷ đồng, nguồn vốn từ lợi nhuận giữ lại theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020. Thời gian là trong tháng 7 - 8/2021 và sau khi được UBCK Nhà nước chấp thuận.

Năm 2021, MWG đặt kế hoạch doanh thu 125.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 4.750 tỷ đồng. Kết thúc quý I, MWG ghi nhận doanh thu đạt 30.828,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.338 tỷ đồng, lần lượt tăng 5% và 18,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp cải thiện nhẹ từ 21% lên 22,8%. So với kế hoạch, MWG đã hoàn thành được 24,6% kế hoạch doanh thu và 28,2% kế hoạch lợi nhuận năm.

Với mức giá 156,800 đóng cửa cuối tuần, sau khi chia cổ tức bằng cổ phiếu và tiền mặt, giá MWG sẽ điều chỉnh về quanh 104,000. PE của MWG hiện quanh 17.3.

MWG	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021Q1
Doanh thu	15,757	25,253	44,613	66,340	86,516	102,174	108,546	30,828
Lợi nhuận	668	1,072	1,577	2,206	2,879	3,836	3,918	1,338
Lợi Nhuận Gộp	2,396	3,922	7,214	11,142	15,292	19,488	23,954	7,025
Chi phí lãi vay	(21)	(39)	(120)	(233)	(436)	(568)	(594)	(153)
KLCP DLH (triệu CP)	112	147	154	317	443	444	453	466
VCSH	1,475	2,484	3,841	5,909	8,983	12,144	15,482	16,954
Tổng Tài Sản	3,407	7,266	14,854	22,823	28,123	41,708	46,031	49,886
Vay Ngắn Hạn	619	2,053	4,789	5,604	5,836	13,031	15,625	17,460
Vay Dài Hạn	-	-	-	1,200	1,208	1,122	1,127	1,128
Tổng Nợ vay	619	2,053	4,789	6,803	7,045	14,153	16,752	18,588
Book Value	13,174	16,908	24,952	18,641	20,255	27,378	34,160	36,371
EPS	5,968	7,297	10,246	6,958	6,491	8,649	8,644	8,848

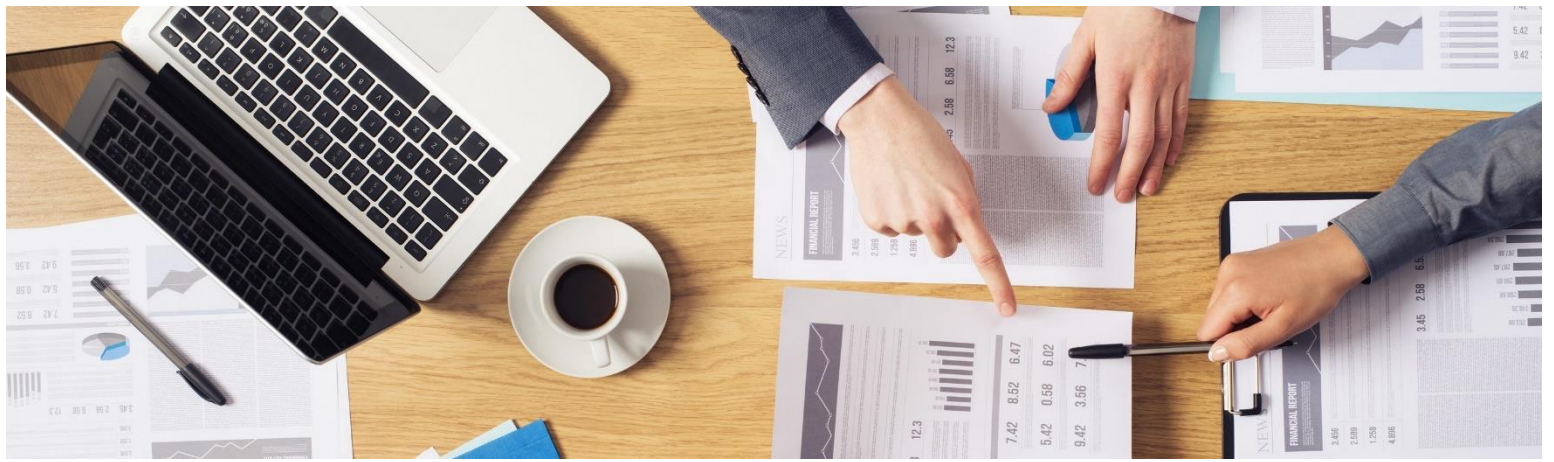
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDB) vừa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%, qua đó tăng vốn điều lệ lên hơn 20.073 tỷ đồng. Ngân hàng sẽ phát hành hơn 398 triệu cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ phân phối 25%.

Nguồn vốn để phát hành từ lợi nhuận chưa phân phối đã được kiểm toán và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định. Việc chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức dự kiến sẽ được thực hiện trong tháng 7/2021.

Quý 1/2021, HDBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế hơn 2.100 tỷ đồng tăng 68% so với quý 1/2020 và hoàn thành gần 30% kế hoạch cả năm. Thu nhập dịch vụ tăng gấp 2 lần cùng kỳ năm trước. Hơn nữa, tiềm năng của các mảng bancassurance, tài chính tiêu dùng, thẻ tín dụng và các sản phẩm dịch vụ được đánh giá đầy hứa hẹn.

Quý 1/2021, HDBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế hơn 2.100 tỷ đồng tăng 68% so với quý 1/2020 với đóng góp tích cực từ thu dịch vụ. Các chỉ tiêu lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) và lợi nhuận trên tài sản (ROA) đạt lần lượt 26,3% và 2,1%, tăng mạnh so với quý I/2020. Hệ số an toàn vốn CAR (Basel II) đạt trên 12% trong khi tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ chỉ 1,1%.

ADB nâng hạn mức tài trợ thương mại cho HDBank lên 125 triệu USD

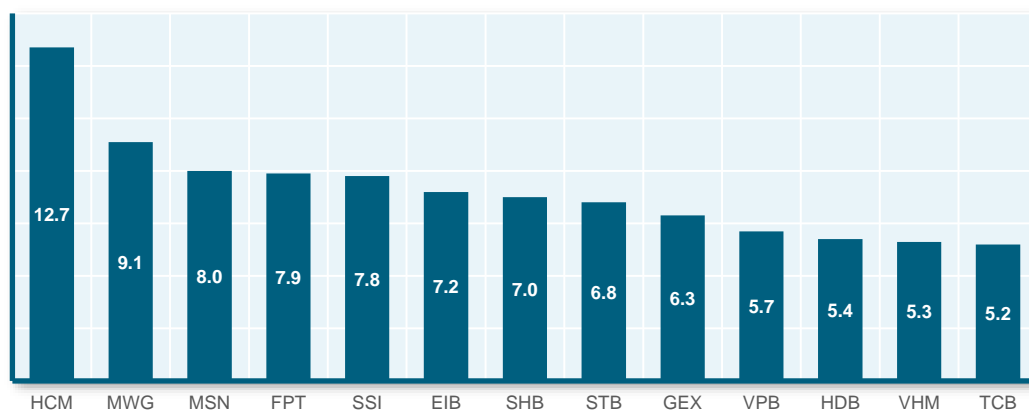


Kế hoạch chia cổ tức của các ngân hàng

	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019
CTG	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thường
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước
	27.60%	Cổ phiếu	
MB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



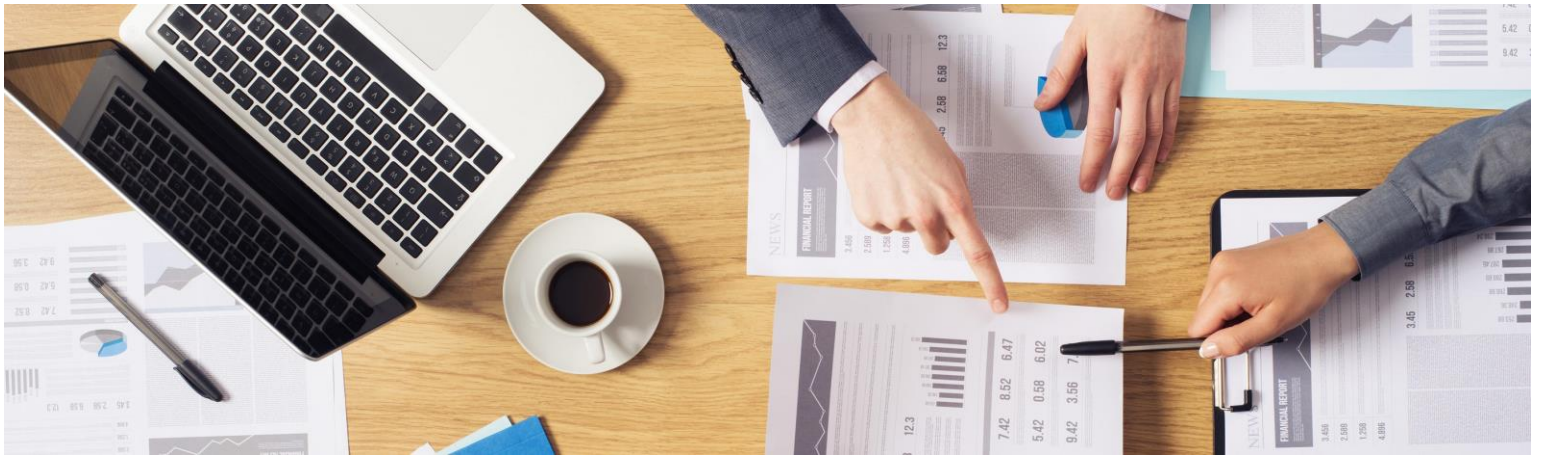
Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	UPCOM	23.6	3,225,907	10.6	1.4	-	-	13,483	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	36.1	6,407,100	8.2	2.1	355,900	341,700	97,540	30.00	4,419	17,547
BAB	UPCOM	26.3	129,822	28.0	2.2	-	-	18,634	-	939	12,064
BID	HNX	47.1	4,204,700	22.4	2.3	68,400	219,800	189,236	16.64	2,103	20,453
CTG	HOSE	52.7	16,549,400	11.1	2.1	1,031,900	4,326,100	196,223	25.07	4,761	24,665
EIB	HOSE	31.4	1,868,400	44.0	2.3	-	3,200	38,543	29.83	713	13,822
HDB	HOSE	37.2	4,656,100	9.1	2.2	581,700	118,700	59,288	17.55	4,066	16,572
LPB	UPCOM	29.8	8,429,500	13.3	2.1	54,800	106,300	32,024	3.21	2,239	14,059
MBB	HOSE	43.5	17,761,000	11.1	2.3	1,147,100	269,800	121,606	21.04	3,912	19,196
MSB	HOSE	31.2	10,115,300	12.8	2.0	140,500	1,000,200	36,041	29.99	2,436	15,368
NVB	HNX	20.7	20,985,003		2.0	24,600	-	8,421	8.71	27	10,532
OCB	HOSE	31.3	5,499,900	9.4	1.9	124,200	200	34,302	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	29.0	29,496,567	14.4	2.0	23,222	29,100	55,841	4.02	2,013	14,631
SSB	HOSE	42.4	3,294,900	31.9	3.6	-	-	51,251	-	1,331	11,769
STB	HOSE	31.5	41,478,500	21.1	1.9	3,757,000	449,400	56,815	12.36	1,495	16,485
TCB	HOSE	54.3	29,377,200	13.3	2.4	24,830	24,830	190,316	22.49	4,074	22,566
TPB	HOSE	37.8	5,091,100	8.7	2.2	-	100	40,456	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	114.9	1,727,200	20.1	4.2	711,000	449,190	426,150	23.57	5,708	27,234
VIB	HOSE	50.1	1,492,800	9.5	2.9	1,100	100,100	77,812	20.38	5,297	17,420
VPB	HOSE	72.1	31,892,600	15.6	3.2	-	3,130,000	176,987	19.98	4,628	22,811
			243,682,999	16.56	2.36	8,046,252	10,568,720	1,920,969		3,004	17,388



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

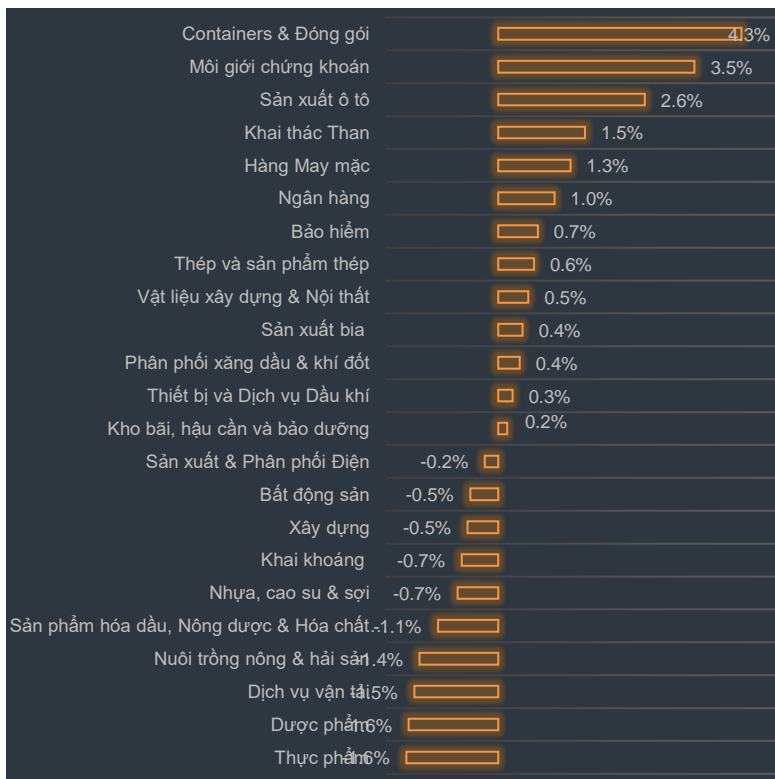
Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	57,900	15,011,205	37,919,578	2,552.8	22.7	3.27	17,724
VCI	UPCOM	58,200	2,810,736	19,380,600	2,829.4	20.6	1.96	29,655
HCM	HNX	54,500	6,240,521	16,624,781	2,674.9	20.4	3.49	15,612
VND	UPCOM	48,400	6,364,697	10,382,510	5,308.7	9.1	2.31	20,939
SHS	UPCOM	47,300	9,591,827	9,803,786	4,994.5	9.5	2.63	17,951
MBS	UPCOM	35,700	2,656,629	9,553,566	1,279.0	27.9	2.72	13,147
FTS	HOSE	41,700	834,289	6,067,059	2,841.6	14.7	2.35	17,751
VIX	HNX	28,500	5,339,500	3,633,605	5,259.2	5.4	1.76	16,190
AGR	HOSE	15,800	2,598,121	3,326,399	572.1	27.6	1.62	9,775
BSI	UPCOM	25,800	1,951,637	3,136,524	2,051.4	12.6	2.03	12,711
ORS	HNX	27,000	956,950	2,700,000	1,516.4	17.8	2.55	10,574
VDS	HOSE	28,500	1,059,125	2,852,847	3,383.2	8.4	2.21	12,884
CTS	HOSE	25,900	1,842,766	2,755,750	2,444.1	10.6	1.87	13,885
TVS	HOSE	26,800	117,086	2,627,791	4,714.3	5.7	1.80	14,852
BVS	UPCOM	34,000	1,181,342	2,454,805	3,033.8	11.2	1.26	26,909
EVS	HOSE	35,100	455,364	2,106,014	2,382.6	14.7	2.48	14,167
SBS	HOSE	16,800	3,184,212	2,127,888	25.2	667.8	10.23	1,643
PHS	HOSE	15,100	1,165	1,359,000	828.3	18.2	1.34	11,291
TVB	HOSE	16,000	752,461	1,138,302	1,973.7	8.1	1.37	11,645
ART	HNX	10,400	6,246,476	1,007,994	269.8	38.5	0.91	11,459
TCI	UPCOM	17,100	295,232	846,450	2,331.0	7.3	1.40	12,235
IVS	UPCOM	11,100	123,920	769,785	352.2	31.5	1.13	9,862
BMS	UPCOM	14,600	91,373	730,000	1,808.9	8.1	1.13	12,977
APS	HOSE	16,600	1,987,199	647,400	2,395.8	6.9	1.49	11,126
PSI	UPCOM	11,300	164,602	676,207	182.9	61.8	1.07	10,519
AAS	HOSE	17,000	2,370,805	527,000	(40.2)		1.51	11,276
WSS	HNX	10,000	203,635	503,000	(44.4)		1.01	9,859



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	BCM	HOSE	22/07/2021	23/07/2021	6/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	CKG	HOSE	19/07/2021	20/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	BCE	HOSE	15/07/2021	16/07/2021	26/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	PPC	HOSE	15/07/2021	16/07/2021	4/8/2021	Trả cổ tức đợt 4/2020 bằng tiền, 1,250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	NBC	HNX	14/07/2021	15/07/2021	10/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	IJC	HOSE	14/07/2021	15/07/2021	6/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	THG	HOSE	14/07/2021	15/07/2021	4/8/2021	Trả cổ tức đợt 4/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	THG	HOSE	14/07/2021	15/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
9	STK	HOSE	13/07/2021	14/07/2021	2/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	PMP	HNX	13/07/2021	14/07/2021	28/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,030 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	X20	HNX	12/7/2021	13/07/2021	26/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	HVT	HNX	9/7/2021	12/7/2021	28/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	DC4	HOSE	9/7/2021	12/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
14	HLC	HNX	9/7/2021	12/7/2021	22/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	VDS	HOSE	8/7/2021	9/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	TIG	HNX	8/7/2021	9/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
17	MCF	HNX	8/7/2021	9/7/2021	21/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	CPC	HNX	8/7/2021	9/7/2021	30/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	SKN	UPCoM	8/7/2021	9/7/2021	19/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 320 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	FBC	UPCoM	8/7/2021	9/7/2021	5/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	AAV	HNX	8/7/2021	9/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	TAW	UPCoM	7/7/2021	8/7/2021	16/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	DCM	HOSE	7/7/2021	8/7/2021	27/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	MTH	UPCoM	7/7/2021	8/7/2021	23/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	CTG	HOSE	7/7/2021	8/7/2021		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:29.0695	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
26	CAN	HNX	7/7/2021	8/7/2021	27/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	VW3	UPCoM	6/7/2021	7/7/2021	21/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	KSB	HOSE	6/7/2021	7/7/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu

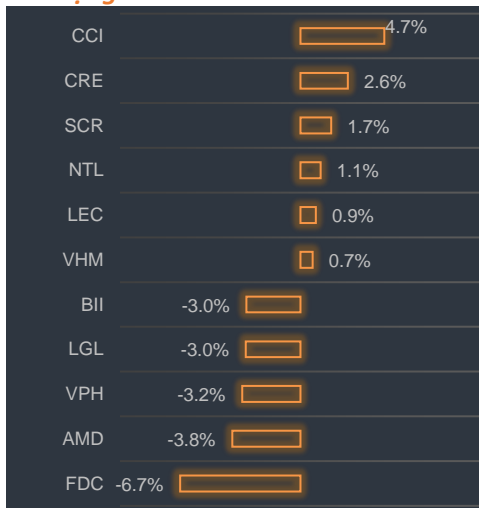
Tăng giảm ngành trong ngày



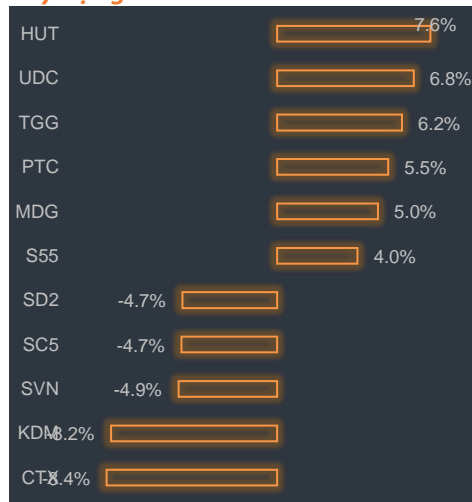
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	CCI, CRE, SCR
Xây dựng:	TGG, SC5, C69
Dầu khí:	CNG, GAS, PVB
Chứng khoán:	WSS, PSI, IVS
Ngân hàng:	NVB, VPB, EIB

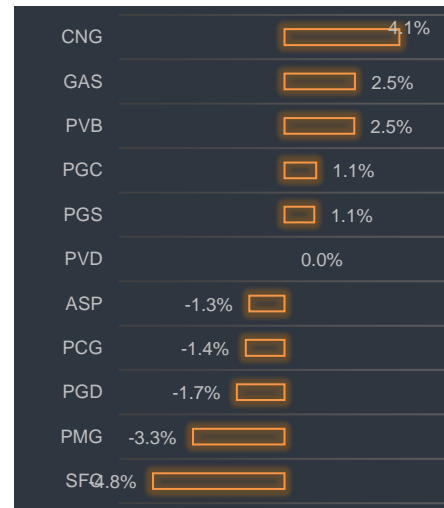
Bất động sản



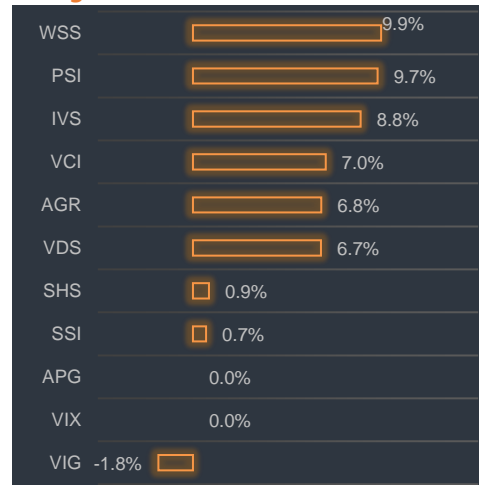
Xây dựng



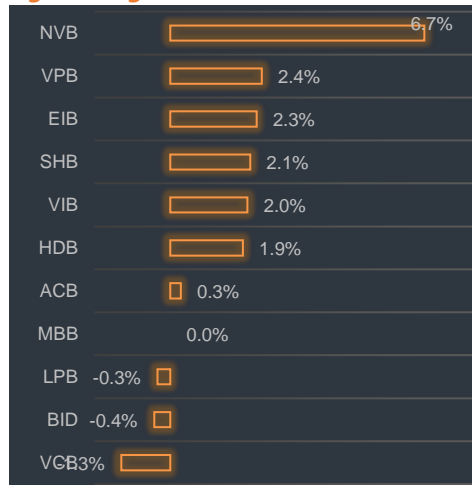
Dầu khí



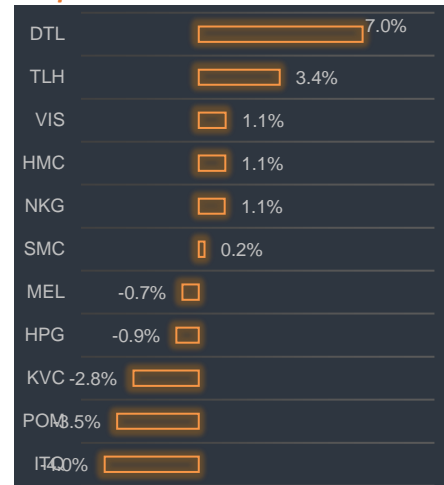
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931